

Số: /2025/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa và xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa.
- Người sử dụng đất trồng lúa.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa

- Khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình phải tập trung, có diện tích tối thiểu từ 50ha.

2. Vị trí xây dựng công trình:

Được xây dựng 01 (một) công trình tại 01 (một) vị trí trên khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng.

3. Diện tích xây dựng và mục đích sử dụng công trình:

a) Diện tích xây dựng tối đa 500m² (Năm trăm mét vuông) đối với công trình phục vụ các mục đích gồm: sơ chế, bảo quản nông sản (không có mục đích sấy thóc); kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

b) Diện tích xây dựng tối đa 1.000m² (Một nghìn mét vuông) đối với các công trình phục vụ mục đích gồm: sơ chế, bảo quản nông sản (có mục đích sấy thóc); kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

c) Công trình xây dựng nêu tại điểm a, điểm b khoản này không phục vụ mục đích để ở và không dùng để sơ chế, bảo quản nông sản được sản xuất ở khu vực khác.

4. Việc xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý, giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn.

b) Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, lập hồ sơ theo dõi việc xây dựng công trình; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp xây dựng công trình vi phạm quy định; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình vi phạm quy định trên địa bàn.

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm CNTT và Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, CV: Chính.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Quân